TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2019/DS-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Ngọc Ba

Ông Nguyễn Hữu Tài

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Phương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Hồ Bích T**, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T2, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1967. (Có Mặt)

Địa chỉ ấp H, xã X, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963. (Vắng mặt).

Địa chỉ ấp H, xã X, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Q là bà Nguyễn Thị T1 (bị đơn) – là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/11/2019).

2/ Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T2, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết

vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Bích T trình bày: Bà có bán thức ăn chăn nuôi cho bà Nguyễn Thị T1 từ năm 2016. Tính đến ngày 30/7/2017 chốt sổ bà T1 còn nợ số tiền 19.688.000đ, bà T1 trả được 5.000.000đ, còn lại nợ 14.688.000đ. Bà tiếp tục giao thức ăn gia xúc cho bà T1 vào các ngày 12/8/2017, 09/9/2019 và 22/9/2017 số tiền là 4.626.000đ. Ngày 09/9/2017 bà T1 trả thêm được 5.000.000đ còn lại nợ 9.688.000đ cộng với số tiền bà T1 mua mới là 4.626.000đ. Tổng cộng bà T1 còn nợ 14.314.000đ. Tết năm 2017 bà T1 trả được 2.000.000đ còn nợ lại 12.314.000đ. Đến cuối năm 2018 bà T1 trả được 1.000.000đ, hiện nay còn nợ lại 11.314.000đ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà T1, ông Q trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 11.314.000đ.

Tại bản tự khai ngày 24/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà T1 trình bày: Bà thống nhất có mua thức ăn chăn nuôi tại cửa hàng của bà T từ năm 2016 đến 2017. Tính đến ngày 19/7/2017 chốt sổ bà còn nợ bà T số tiền 14.688.000đ, bà đã trả được 5.000.000đ còn nợ 9.688.000đ. Cộng với số tiền mua mới là 4.626.000đ, đến ngày 25/8/2017 bà trả 5.000.000đ, ngày 26/9/2017 trả 6.000.000đ, ngày 30/12/2017 trả 2.000.000đ, ngày 26/12/2018 trả 1.000.000đ. Như vậy bà đã trả cho bà T số tiền tổng cộng là 19.000.000đ, hiện bà chỉ còn nợ bà T số tiền 314.000đ, bà đồng ý trả cho bà T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn , bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành về quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn cơ bản chấp hành đúng quy định tại Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430,440 của Bộ luật dân sự các điều 28, 30 của Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; các điều 27, 30 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Bích T. Đề nghị buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Bích T số tiền còn nợ 11.314.000đ (Mười một triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng).

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa nguyên đơn bà Hồ Bích T, bị đơn Nguyễn Thị T1 có xác lập quan hệ mua bán tài sản là thức ăn gia xúc gia cầm. Hai bên thỏa thuận khi bên mua xuất chuồng bán gia xúc, gia cầm, trả tiền thức ăn cho bên bán. Theo đó từ năm 2015 đến năm 2017 bà T bán thức ăn nuôi gia xúc, gia cầm. Đến tháng 7/2017 hai bên kết sổ bà T1 còn lại nợ tiền thức ăn của bà T số tiền 14.688.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Hồ Bích T và bà Nguyễn Thị T1 có xác lập quan hệ mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[2] Xét lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 cho rằng: sau khi kết sổ bà còn nợ bà T số tiền 14.688.000đ. Sau đó bà có mua thêm thức ăn của bà T số tiền là 4.626.000đ nhưng bà đã trả cho bà T tổng cộng là 19.000.000đ và đến tháng 7/2017 bà không còn mua thức ăn của bà T, hiện bà chỉ còn nợ bà T số tiền 314.000đ là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, bà T1 trình bày đến tháng 7/2017 bà không còn mua thức ăn của bà T nhưng bà thừa nhận có còn nợ tiền mua thức ăn bà T giao sau là 4.626.000đ. Căn cứ vào sổ giao bán hàng do bà T1 và bà T cung cấp. Số tiền 4.626.000đ bà T giao hàng cho bà T1 vào các ngày 12/8/2017, 09/9/2017 và ngày 22/9/2017. Bà T1 trình bày thời gian từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2017 bà có trả tiền cho bà T số tiền 16.000.000đ nhưng bà T chỉ thừa nhận có nhận của bà T1 số tiền 5.000.000đ vào tháng 7/2017, nhận 5.000.000đ vào tháng 9/2017, còn số tiền 11.000.000đ bà T1 trả vào thời gian trước khi hai bên kết sổ. Bà T1 cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 9/2017 bà có trả cho bà T số tiền 16.000.000đ như ý kiến đã trình bày.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 9/2017 giữa bà T và bà T1 có kết sổ, hai bên có thống nhất số tiền bà T1 còn nợ bà T là 19.314.000đ. Nhưng hai bên không thống nhất về thời gian trả, bà T1 cho rằng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 9/2017 có trả cho bà T số tiền 16.000.000đ, bà T1 không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh trong thời gian này có trả số tiền trên cho bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền mua bán thức ăn còn nợ 11.314.000đ là có căn cứ chấp nhận phù hợp theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Bà Hồ Bích T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ trả nợ cho bà. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Q là vợ chồng. Mục đích bà T1 mua thức ăn để chăn nuôi gia xúc, gia cầm nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền 11.314.000đ là nợ chung của vợ chồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bà T1, ông Q có nghĩa vụ trả là phù hợp theo quy định tại Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc các bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí trên số tiền buộc trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể, buộc bà T1, ông Q có nghĩa vụ nộp số tiền 565.700đ

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; các điều 27, 30 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Bích T.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Bích T số tiền còn nợ 11.314.000đ (*Mười một triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ nộp số tiền 565.700đ (*Năm trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm đồng*).

Trả lại cho bà Hồ Bích T số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 015673 ngày 30/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga